

Số: 361 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 03 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất,
xác định đơn giá thuê đất thực hiện từ 01/01/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 12/TTr-STC ngày 23/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở để xác định nghĩa vụ tài chính đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại tiết c khoản 3 Điều 3 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

1. Khu vực các quận:

1.1. Các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An:

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 30.000.000đ/m² trở lên, hệ số điều chỉnh là 1,2 (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 cũng điều chỉnh theo hệ số 1,2).

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 16.000.000đ/m² đến dưới 30.000.000đ/m², hệ số điều chỉnh là 1,15 (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 cũng điều chỉnh theo hệ số 1,15);

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố còn lại hệ số điều chỉnh là 1,1.

1.2. Các quận Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến An:

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố có mức giá đất ở (vị trí 1) từ 10.000.000đ/m² trở lên, hệ số điều chỉnh là 1,15 (vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 cũng điều chỉnh theo hệ số 1,15);

- Các khu đất, lô, thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường phố còn lại hệ số điều chỉnh là 1,1;

2. Khu vực các huyện (trừ huyện Bạch Long Vỹ):

- Các khu đất, lô thửa đất thuộc các đường phố, đoạn đường có mức giá đất ở theo bảng giá đất tại Phụ lục số 7.8; 7.9; 7.10; 7.11; 7.12; 7.13; 7.14 (tại đô thị) hệ số điều chỉnh là 1,1;

- Các khu đất, lô thửa đất thuộc các đường, đoạn đường có mức giá đất ở theo bảng giá đất tại Phụ lục số 6.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5; 6.6; 6.7 (tại nông thôn): hệ số điều chỉnh là 1,05.

3. Mức giá đất nêu ở trên quy định tại Quyết định số 2970/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2.

1. Trường hợp khi tính thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức quy định tại tiết c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển thông tin địa chính và hồ sơ đến Sở Tài chính để Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan xác định giá đất, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo từng dự án cụ thể.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất đối với trường hợp xác định đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm (theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) bằng 1.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này thực hiện từ ngày 01/01/2016.

Quyết định này thay thế Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất thực hiện từ ngày 01/01/2015.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi thành./.

Nơi nhận:

- TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như điều 4;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- CV: ĐC2, ĐC1, TC;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Tùng